

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/DS-ST
Ngày: 20/6/2024
V/v: “Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản và tranh chấp nợ hui”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Thế Hà;

2. Ông Võ Đăng Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Biện Thị Uyên Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thái Thoại – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 349/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2023, về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, và tranh chấp về nợ hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-DS, ngày 17 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2024/QĐST –DS ngày 27 tháng 5 năm 2024 và thông báo mở lại phiên tòa số 23/2024/TB –TA ngày 10 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Lệ T, sinh năm 1971; Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1987; Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Công T1, sinh năm 1983; Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn L, huyện T, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt và đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – bà Phan Thị Lệ T trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Trong khoảng thời gian từ năm 2022 đến 2023, chị Nguyễn Thị L có vay tiền của bà T nhiều lần cụ thể như sau:

Ngày 2/2/2022 âm lịch vay 15.000.000đồng;

Ngày 25/2/2022 âm lịch vay 30.000.000đồng;

Ngày 27/2/2022 âm lịch vay 10.000.000đồng;

Ngày 27/9/2022 âm lịch vay 10.000.000đồng;

Ngày 28/2/02/2023 âm lịch vay 20.000.000đồng;

Ngày 05/5/2023 âm lịch vay 30.000.000đồng.

Tổng số tiền vay là 110.000.000đồng. Sau khi vay số tiền này thì chị L có trả được cho bà T 10.000.000đồng, hiện còn nợ lại 100.000.000đồng.

Ngoài ra chị L có tham gia chơi hụi do bà T làm chủ hụi, cụ thể như sau:

Tổ hụi 3.000.000đồng, chị L tham gia chơi một chân. Sau khi lĩnh hụi thì chị L phải đóng hụi chết mỗi tháng 3.000.000đồng. Tuy nhiên từ ngày 6/8/2022, chị L ngưng đóng hụi, tính đến ngày mãn hụi là 06/6/2023 là 11 tháng tương ứng với số tiền 33.000.000đồng.

Tổ hụi 3.000.000đồng, chị L tham gia chơi một chân. Sau khi lĩnh hụi chị L phải đóng hụi chết hàng tháng là 3.000.000đồng. Tuy nhiên từ ngày 15/8/2022, chị L ngưng đóng hụi. Tính đến ngày mãn hụi 15/01/2023, chị L không đóng hụi trong thời gian 6 tháng tương ứng với số tiền 18.000.000đồng.

Tổ hụi 2.000.000đồng, chị L có tham gia chơi một chân. Sau khi lĩnh hụi, chị L có đóng hụi được một thời gian thì đến ngày 25/8/2022 chị L ngưng đóng hụi. Tính đến ngày mãn hụi là 25/01/2023 chị L còn nợ lại bà T số tiền hụi trong thời gian 7 tháng tương ứng với số tiền 14.000.000đồng.

Như vậy, tổng cộng số tiền hụi mà chị L còn nợ lại bà T là 65.000.000đồng.

Tổng cộng số tiền nợ vay và nợ hụi mà chị L còn nợ lại bà T là 165.000.000đồng. Khi vay tiền và tham gia chơi hụi thì chị L có nói là vay tiền và lĩnh hụi để chi tiêu trong gia đình. Việc vay mượn và chơi hụi ban đầu chỉ do chị L trực tiếp giao dịch với bà T nhưng thời gian sau đó thì anh T1 đã cho con trai đi cùng với chị L đến nhà bà T tính toán lại tổng số nợ và hứa sẽ cùng với chị L trả cho bà T. Vì vậy, hiện nay bà T yêu cầu vợ chồng chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Công T1 cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền nợ là 165.000.000đồng trong đó 100.000.000đồng tiền nợ vay và 65.000.000đồng tiền nợ hụi. Đồng thời bà T yêu cầu vợ chồng chị L, anh T1 phải có trách nhiệm trả lãi cho bà T tính từ ngày bà T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị L trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị L xác nhận việc vay tiền của bà Phan Thị Lệ T trong thời gian từ năm 2022 và 2023 với tổng số tiền 110.000.000đồng. Chị L đã trả được cho bà T 10.000.000đồng, hiện còn nợ lại 100.000.000đồng.

Về việc tham gia chơi hụi do bà Thủy tổ chức thì chị L cũng xác nhận có tham gia chơi các tổ hụi do bà Thủy tổ chức, chị L đã lĩnh hụi và còn ba chân hụi chị L không thực hiện đóng hụi chết theo quy định. Cho đến hiện nay chị L còn nợ lại tiền hụi của ba chân là 65.000.000đồng.

Như vậy, tổng cộng số tiền mà hiện nay chị L còn nợ lại bà T là 165.000.000đồng, chị L chấp nhận trả số tiền này cho bà T theo yêu cầu của bà T. Số tiền chị L vay bà T và lĩnh hụi khi tham gia chơi hụi với bà T chị L sử dụng chi tiêu trong gia đình, lo cho các con ăn học. Vì vậy chị L yêu cầu anh Nguyễn Công T1 cùng phải có trách nhiệm liên đới cùng chị L trả nợ cho bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Nguyễn Công T1 trình bày:

Anh Nguyễn Công T1 là chồng của chị Nguyễn Thị L.

Thời gian trước đây khi chị L còn chung sống với anh T1, chị L đã tự ý vay, mượn tiền và chơi hụi với bà Phan Thị Lệ T như thế nào thì anh T1 không được rõ vì chị L chưa bao giờ công khai hay thông báo cho anh T1 biết. Chị L sử dụng tiền vay, tiền lĩnh hụi vào việc gì anh T1 cũng không biết. Vì vậy anh T1 không có trách nhiệm cùng với chị L trả nợ cho bà T.

Việc nguyên đơn – bà T trình bày: Thời gian trước đây anh T1 có cho con trai của mình cùng với chị L đến nhà bà T để tính toán nợ nần và anh T1 có hứa sẽ đứng ra trả nợ cho bà T. Tuy nhiên, do thời điểm đó chị L bỏ nhà đi mà anh T1 mong muốn chị L về chung sống cùng nhau lo cho gia đình và các con nên anh T1 mới đưa ra lời hứa đó. Nhưng hiện nay chị L đã bỏ đi, không còn quan tâm tới anh T1 và các con nên anh T1 không chấp nhận liên đới cùng chị L trả nợ cho bà T. Vấn đề này anh T1 cũng đã đến nhà gặp và trao đổi với bà T.

Những tình tiết mà các đương sự thống nhất với nhau:

Chị L xác nhận còn nợ bà T 165.000.000đồng trong đó 100.000.000đồng tiền nợ vay và 65.000.000đồng tiền nợ hụi.

Những tình tiết mà các đương sự chưa thống nhất với nhau:

- Bà T yêu cầu vợ chồng chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Công T1 cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ vì số tiền trên chị L sử dụng vào việc chung của gia đình; anh T1 biết và đồng ý trả nợ cho bà T.

- Anh T1 không chấp nhận trả số tiền nợ trên cho bà T vì cho rằng không biết và không liên quan đến khoản nợ đó.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ các quy định về pháp luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử;

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, **các đương sự** đã thực hiện đúng các quy định về quyền và

nghĩa vụ đương sự theo Bộ luật dân sự tố tụng dân sự. Riêng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Công T1 đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt anh T1 là phù hợp .

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và các Điều 146, 147, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – bà Phan Thị Lệ T. Buộc chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Công T1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phan Thị Lệ T số tiền nợ vay và nợ hụi 165.000.000đồng.

Về án phí: Chị L và anh T1 phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là phù hợp.

[2] *Về quan hệ pháp luật*:

Theo đơn khởi kiện bà Phan Thị Lệ T yêu cầu vợ chồng chị Nguyễn Thị L và anh Phan Công T2 phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền nợ 165.000.000đồng trong đó gồm 100.000.000đồng tiền nợ vay và 65.000.000đồng tiền nợ hụi. Bị đơn chị Nguyễn Thị L xác nhận số nợ và không có yêu cầu phản tố. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Công T1 không chấp nhận trả nợ nhưng cũng không có yêu cầu độc lập. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” và “Tranh chấp về nợ hụi” theo quy định tại Điều 463 và Điều 471 Bộ luật dân sự. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Phan Thị Lệ T*:

[3.1] Đối với yêu cầu khởi kiện về tiền nợ gốc:

Nguyên đơn - bà Phan Thị Lệ T yêu cầu chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Công T1 cùng phải trả cho bà T số tiền còn nợ là 165.000.000đồng. Số tiền này bao gồm 100.000.000đồng tiền nợ vay và 65.000.000đồng tiền nợ hụi do chị L trực tiếp vay của bà T, chị L tham gia chơi hụi do bà T tổ chức đã lĩnh hụi nhưng không đóng hụi đầy đủ.

Bị đơn – chị Nguyễn Thị L thừa nhận số tiền nợ vay và nợ hụi theo yêu cầu của nguyên đơn. Đồng thời chị L cũng cho rằng số tiền vay và tiền lĩnh hụi chị L sử dụng vào việc chung của gia đình nên chồng chị là anh Nguyễn Công T1 cũng phải có trách nhiệm liên đới cùng chị L trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Công T1 cho rằng bản thân không trực tiếp vay, không nhận tiền lĩnh hụi nên không có trách nhiệm trả nợ cho bà T bởi vì khi chị L vay tiền bà T không thông qua ý kiến của anh T1, tiền chị L vay và hốt hụi về sử dụng vào mục đích gì thì anh T1 không biết. Thu nhập trong gia đình anh T1 đủ để chi tiêu không thiếu hụt để phải vay mượn. Việc anh T1 trước đây có hứa cùng với chị L trả nợ cho bà T là để chị L tiếp tục chung sống với anh T1 để chăm lo cho gia đình. Tuy nhiên, hiện nay chị L đã bỏ đi không còn chung sống với anh T1 nữa nên anh T1 không chịu trách nhiệm cùng chị L trả nợ.

Xét thấy: Bà T và chị L đều xác nhận khi chị L vay tiền của bà T và tham gia chơi hụi với bà T thì chỉ có chị L là người trực tiếp giao dịch với bà T. Tuy nhiên, đến thời điểm chị L không có khả năng trả nợ vay và nợ hụi cho bà T thì anh T1 đã cho chị L cùng con trai đến nhà để tính toán lại số tiền còn nợ cho bà T; chính anh T1 cũng hứa bán đất để trả nợ cho bà T. Điều đó thể hiện bản thân anh T1 có biết đến những khoản tiền do chị L nợ bà T. Bên cạnh đó, việc chị L vay tiền và hốt hụi trong thời kỳ hôn nhân của chị L và anh T1; số tiền vay và hốt hụi nhằm mục đích chi tiêu trong gia đình nên anh T1 phải có trách nhiệm liên đới cùng chị L trả cho bà T số tiền nợ gốc 165.000.000đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466, Điều 471 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Đối với yêu cầu về tiền lãi:

Bà T yêu cầu chị L và anh T1 phải trả lãi trên nợ vay từ ngày bà T nộp đơn khởi kiện cho đến nay theo mức lãi suất do pháp luật quy định.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với các khoản nợ vay, chị L vay bà T nhiều lần trong khoảng thời gian năm 2022 và 2023, mặc dù khi vay không thỏa thuận về thời hạn nhưng thời gian sau đó bà T đã có yêu cầu trả nợ, chị L có đến tính toán chốt nợ nhưng vẫn không trả nợ cho bà T. Do đó chị L, anh T1 phải chịu lãi theo lãi suất chậm trả tính từ ngày chậm trả.

Đối với khoản tiền nợ hụi: Do hàng tháng chị L không đóng hụi chết cho bà T thì chị L phải chịu lãi theo mức lãi suất chậm trả kể từ thời gian ngưng đóng hụi tương ứng với số tiền chậm trả.

Tuy nhiên, hiện nay bà T chỉ yêu cầu chị L và anh T1 phải chịu lãi trên tổng số tiền còn nợ là 165.000.000đồng tính từ ngày bà T nộp đơn khởi kiện là ngày 12/12/2023, lãi suất tính theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ là 10%/năm là có lợi cho phía bị đơn nên cần được chấp nhận. Theo đó tiền lãi được tính như sau:

165.000.000đồng x 10%/năm (tương ứng 0,83%/tháng) x 6 tháng 8 ngày (tính từ ngày 12/12/2023 đến ngày 20/6/2024) = 8.585.000đồng.

Như vậy, tổng cộng số tiền gốc và lãi là 173.585.000đồng (Một trăm bảy mươi ba triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn đồng). Cần buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Công T1 phải trả cho bà Phan Thị Lệ T số tiền này là phù hợp với quy định tại Điều 466, Điều 471 và 357 Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà Phan Thị Lệ T được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Công T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Trả lại cho bà Phan Thị Lệ T số tiền tạm ứng án phí đã nộp

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Các Điều 463, 466, 471, 468, 457 Bộ luật dân sự 2015;
- Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Thị Lệ T về việc buộc bị đơn chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Công T1 phải có trách nhiệm liên đới trả tiền nợ vay và nợ hụi.

Buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Công T1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phan Thị Lệ T số tiền nợ vay và nợ hụi là 173.585.000đồng (trong đó tiền nợ gốc là 165.000.000đồng; tiền lãi là 8.585.000đồng);

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Công T1 phải liên đới nộp 8.679.000đồng (Tám triệu sáu trăm bảy mươi chín ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung Ngân sách nhà nước.

Trả lại cho bà Phan Thị Lệ T số tiền 4.125.000đồng tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai số 0005550, ngày 12/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án có hiệu lực được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mận